TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2026
"Về: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lê

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Trương Văn T, sinh ngày 04/12/1990

Địa chỉ: khu phố S, phường P, tỉnh Đ

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 27/11/1997,

Nơi thường trú: thôn 7, xã B, tỉnh Đ.

Địa chỉ: 236 Đình Phong Phú, phường T, Thành phố H.

(Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2025, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện tìm hiểu với nhau được khoảng hơn một năm thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B. Sau khi đăng ký kết hôn do bất đồng trong việc tổ chức lễ cưới nên anh và chị T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không tổ chức đám cưới với nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn chị T về Thành phố H làm việc, còn anh vẫn ở PL, BP. Từ khi chị T về Thành phố H hai bên có gặp nhau một vài lần, nhưng không thể bàn và thống nhất được chuyện hôn nhân. Đến nay, cả hai xác định không thể tiếp tục chung sống nên anh gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do lý do cá nhân, chị T không thể trực tiếp về Tòa án tham gia giải quyết theo thủ tục thuận tình ly hôn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và cho anh vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Chị và anh Trương Văn T có đăng ký hôn nhân hợp pháp. Do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị đồng ý. Hai bên chưa có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Hiện tại chị đang sinh sống làm việc tại Thành phố H , khoảng cách địa lý xa, điều kiện đi lại khó khăn không đi lại làm việc, hòa giải và phiên tòa tại Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và giải quyết vắng mặt chị trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tại phiên tòa:*

Về tố tụng, Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Trương Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T; anh T và chị T không có con chung, tài sản chung nên không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trương Văn T, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B (nay là xã B, tỉnh Đ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 14/3/2025, nên quan hệ hôn nhân giữa Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Cẩm T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc tổ chức lễ cưới và xây dựng đời sống chung; thực tế chưa tổ chức hôn lễ và đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được giải quyết vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi giữa vợ chồng không còn sự gắn kết về tình cảm, không thiết lập được đời sống chung, việc duy trì quan hệ hôn nhân chỉ mang tính pháp lý mà không đạt được mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững. Do đó, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn T.

* Về con chung: Anh T và chị T chưa có con chung, nên không đề cập giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; các điều 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn T; xử cho anh Trương Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Về án phí: Anh Trương Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000915 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12-ĐN;
- THADS Đồng Nai;
- UBND xã Bom Bo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ